

Bản án số: 32/2022/DS-PT

Ngày: 30. 8. 2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trang**

Các Thẩm phán: Ông **Hàng Lâm Viên**
Ông **Lâm Bách.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Tường Vi** - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2022/QĐPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Võ Minh T**, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* 1. Ông **Lê Hữu P**, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông **Từ N**, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**Với nguyên đơn:*

1/. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1958. Vắng mặt

2/. Bà **Võ Thị M**, sinh năm 1979. Vắng mặt

- 3/. Bà **Võ Thị Mỹ A**, sinh năm 1982. Vắng mặt
- 4/. Bà **Võ Thị Huyền T**, sinh năm 1985. Vắng mặt
- 5/. Bà **Võ Thị Mỹ H**, sinh năm 1988. Vắng mặt
- 6/. Ông **Võ Minh T**, sinh năm 1990. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H, Võ Minh T: nguyên đơn anh Võ Minh T.

**Với bị đơn:*

- 7/. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1965. Có mặt
- Cùng địa chỉ:* Thôn K, xã L, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.
4. Người kháng cáo: Ông **Lê Hữu P** - Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Võ Minh T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc của diện tích đất đang tranh chấp này là do cha của anh là ông Võ T nhận sang nhượng lại của người khác. Vì cha anh đã chết nên anh không biết nhận sang nhượng của ai nhưng nhận sang nhượng trước năm 1994. Đến ngày 30/9/1994 ông Võ T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số D 0863747 cấp cho ông Võ T quyền sử dụng nhiều thửa đất có tổng diện tích 4.784m². Tại thời điểm cấp giấy không biết lý do vì sao phần diện tích 4.784m² này lại không có sổ thửa. Tuy nhiên sau khi tìm hiểu thông tin anh được biết hiện nay phần diện tích 4.784m² gồm hai thửa đất số 417 (diện tích 3.658m²) và thửa đất số 420 (diện tích 352m²), cùng thuộc tờ bản đồ số 47, xã L. Diện tích đất đang tranh chấp giữa anh và ông Lê Hữu P, ông Từ N là thửa đất số 420. Từ khi nhận sang nhượng thì ông Võ T cho con rể là anh Dương Q canh tác trồng lúa từ đó cho đến năm 2018 thì ông Dương Q chết, từ đó gia đình anh cũng bỏ đất trống. Trong quá trình sử dụng thì vào năm 2008 có chỉnh lý biến động giảm diện tích 216m² đất theo quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 09/7/2007 của UBND huyện T để giải phóng mặt bằng xây dựng kênh cấp 2 của kênh N15 hồ Sông Trâu. Phần diện tích chỉnh lý giảm này thuộc hướng Đông của thửa đất. Tuy nhiên sau khi ông Võ T chết thì được sự thống nhất của gia đình nên anh đi đo đạc lại thì phát hiện diện tích đất của gia đình anh bị thiếu và phần thiếu chính là phần thửa đất số 420, có diện tích 352m² do ông Lê Hữu P, ông Từ N sử dụng.

Tại biên bản xem xét thẩm định thực tế theo “Trích đo vị trí thửa đất tranh chấp - phần trích đo số 1 thì anh T xác định, phần diện tích 160m² thuộc thửa đất 417 đã cấp quyền sử dụng cho ông Võ T; diện tích 61m², 19m² thuộc thửa đất số

442 đã cấp quyền sử dụng cho ông Từ N” anh T không có tranh chấp diện tích này. Anh T xác định phần đất đang tranh chấp là phần diện tích $141m^2$ (2,3,9,8,7) hiện ông Th đang quản lý sử dụng do nhận chuyển nhượng của Từ N và phần diện tích $211m^2$ (3,4,5,10,9) hiện do ông Lê Hữu P đang quản lý sử dụng thuộc thửa 420, tờ bản đồ 47, xã L. Anh T xác định thửa đất 420 này là một phần trong diện tích $4.784m^2$ đã được cấp quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số D0863747 ngày 30/9/1994 cho ông Võ T. Vì vậy anh đề nghị Tòa án buộc ông Từ N, ông Nguyễn Văn Th và ông Lê Hữu P phải trả lại phần diện tích $352m^2$ thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ 47, xã L cho gia đình.

Bị đơn ông Lê Hữu P trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp này là vào năm 1990 gia đình ông P cùng cha vợ là ông Lương T có khai hoang tại thôn k2 có diện tích $450m^2$ thuộc thửa đất số 419, 420 để trồng rau muống và hoa màu. Quá trình sử dụng thì nhà nước làm mương nên mở rộng một phần diện tích thửa đất 419, 420, thửa đất 419 của ông Lương T bị thu hồi còn một phần giáp đường kênh mương nên ông Lương T không canh tác nữa. Sau đó ông Dương Q là con rể ông Võ T canh tác trên thửa đất liền kề đã tự thuê nhân công dỡ phần đất còn lại của thửa đất 419 để làm ruộng. Vì vậy hiện nay gia đình ông P chỉ còn canh tác trên diện tích đất còn lại và theo bản đồ đất hiện nay là thửa 420, tờ bản đồ số 47, xã L. Vì thửa đất nhỏ nên gia đình ông P trồng cây làm ranh rào và trồng các loại rau trên diện tích đất này. Đến năm 2020, anh Võ Minh T cho rằng phần đất này là của gia đình anh T nên đã tranh chấp. Cũng trong thời điểm này, ông Từ N sang nhượng lại đất của mình cho ông Nguyễn Văn Th nên ông Từ N cũng tranh chấp với ông. Khoảng năm 2012, 2013 ông đã làm hồ sơ để xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 420. Phần diện tích đang tranh chấp này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông thừa nhận không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc gia đình ông khai hoang, sử dụng thửa đất này nhưng có các ông bà: ông Chamaléa N; ông Đình Thiên H; bà Tala Thị T là những người có các diện tích đất lân cận vào thời điểm đó biết.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T. Ông không đồng ý trả lại phần **diện tích $211m^2$** đất đang quản lý thuộc thửa đất số 420 tờ bản đồ 47 xã L cho anh T.

Bị đơn ông Từ N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Th, ông Th đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trình bày: Ông là người nhận sang nhượng các thửa đất của ông Từ N trong đó có thửa đất đang tranh chấp hiện nay là một phần thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, diện tích $352m^2$. Nguồn gốc thửa đất 420 này là do ông N khai hoang, canh tác sử dụng từ khoảng 1998 - 1999 đến nay. Ông cho rằng biên bản xem xét thẩm định thực tế đo đạc, định vị thửa đất đang tranh chấp theo “Trích đo vị trí thửa đất tranh chấp” - phần trích đo số 02 thì ông xác định đối với phần **diện tích $141m^2$** (2,3,9,8,7) là đất của ông Từ N nên ông không đồng ý trả lại cho anh T, đối với diện tích đất còn lại $211m^2$ (3,4,5,10,9) đề nghị Tòa án xác định là của ai. Nếu

không phải của ông Từ N thì ông đồng ý trả lại cho người được công nhận. Còn nếu đúng ông Từ N thì đề nghị ông Lê Hữu P, anh Võ Minh T giao trả cho ông.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào: Các điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ các điều 166, 234, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điều 100, 179, 203 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Minh T đối với bị đơn ông Lê Hữu P và ông Từ N về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Nguyên đơn anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T được quyền sử dụng diện tích 211m² đất theo các điểm sau (3, 4, 5, 10, 9) hiện do ông Lê Hữu P đang quản lý, sử dụng và diện tích 141m² đất theo các điểm (2, 3, 9, 8, 7) hiện ông Nguyễn Văn Th đang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, xã L, huyện T. Có tứ cận: Phía Bắc: giáp thửa số 419; Phía Nam giáp thửa 442, phía Đông giáp thửa số 417, Phía Tây: giáp nương nước.

(Theo sơ đồ trích lục vị trí thửa đất tranh chấp số 01 ngày 22/02/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Bắc kèm theo bản án).

2. Ông Lê Hữu P có trách nhiệm giao trả lại diện tích 211m² đất theo các điểm sau (3, 4, 5, 10, 9) thuộc thửa đất số 420 tờ bản đồ 47, xã L cho anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T.

Ông Từ N, ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm giao trả lại diện tích 141m² đất theo các điểm (2, 3, 9, 8, 7) thuộc thửa đất số 420 tờ bản đồ 47, xã L cho anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T.

3. Anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để

đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T nhận được đơn kháng cáo đề ngày 12 tháng 5 năm 2022 của ông Lê Hữu P kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau: Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

Không đồng ý trả lại phần diện tích 211m² đất theo các điểm (3, 4, 5, 10, 9) đang quản lý thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ xã L cho cho anh Võ Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Võ Minh T và bị đơn ông Lê Hữu P thỏa thuận như sau:

Nguyên đơn anh Võ Minh T hỗ trợ cho bị đơn ông Lê Hữu P 25.000.000 đồng. Ông Lê Hữu P đồng ý.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn ông Lê Hữu P đã thỏa thuận được việc giải quyết vụ án: nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho ông P 25.000.000 đồng, bị đơn ông P chấp nhận nên công nhận sự thỏa thuận này. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo đề ngày 12 tháng 5 năm 2022 nộp ngày 13 tháng 5 năm 2022 của ông Lê Hữu P làm trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Nguyễn Thị H, chị Võ Thị M, chị Võ Thị Mỹ A, chị Võ Thị Huyền T, chị Võ Thị Mỹ H, anh Võ Minh T vắng mặt và ủy quyền cho anh Võ Minh T tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Võ Minh T tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn ông Lê Hữu P 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng. Xét thấy: việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện đúng pháp luật giữa nguyên đơn anh Võ Minh T và bị đơn ông Lê Hữu P. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022.

[6] *Chi phí do đặc và án phí:*

* Về chi phí do đặc định giá Số tiền chi phí do đặc định vị và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.857.000 đồng do anh Võ Minh T nộp tạm ứng, anh Thắng tự nguyện chịu số tiền này, đã nộp đủ.

* Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Từ N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 (*Sáu trăm hai lăm nghìn*) đồng.
- Anh Võ Minh T phải chịu 625.000 (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Hữu P phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào: Các điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 166, 234, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; Các điều 100, 179, 203 Luật đất đai 2013; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ Minh T:

Nguyên đơn anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 211m² đất gồm các điểm sau (3,4,5,10,9) và diện tích 141m² đất gồm các điểm (2,3,9,8,7) thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 47, xã L, huyện T theo *trích lục vị trí thửa đất tranh chấp ngày 22/02/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh T*.

2. Ông Lê Hữu P có trách nhiệm giao trả lại diện tích 211m² đất theo các điểm sau (3,4,5,10,9) thuộc thửa đất số 420 tờ bản đồ 47, xã L theo *trích lục vị trí thửa đất tranh chấp ngày 22/02/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh T* cho anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T.

3. Ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm giao trả lại diện tích 141m² đất theo các điểm sau (2,3,9,8,7) thuộc thửa đất số 420 tờ bản đồ 47, xã L theo *trích lục vị trí thửa đất tranh chấp ngày 22/02/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh T* cho anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T.

4. Nguyên đơn anh Võ Minh T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Hữu P số tiền **25.000.000** (Hai mươi lăm triệu) đồng.

5. Anh Võ Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn gồm bà Nguyễn Thị H, Võ Thị M, Võ Thị Mỹ A, Võ Thị Huyền T, Võ Thị Mỹ H và Võ Minh T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền này, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án này theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí:**

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Từ N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 (Sáu trăm hai lăm nghìn) đồng.

- Anh Võ Minh T phải chịu 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0000109 ngày 04/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T còn phải nộp 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Hữu P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000144 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo bản án là trích lục vị trí thửa đất tranh chấp ngày 22/02/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh T)

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Bách - Hàng Lâm Viên

Ngô Thị Trang

